

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST.

Ngày: 10/5/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Mỹ.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 163/2017/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST- DS ngày 27/4/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố a, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Ánh N: ông Võ Ngọc C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 45, đường L, thị trấn P, huyện K, Đắk Lắk (Có mặt) (Theo Giấy ủy quyền số 006279 ngày 25/10/2017)

+ Bị đơn: Bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L hoặc là chị H), sinh năm:1962

Địa chỉ: Tổ dân phố a, thị trấn P, huyện K, Đắk Lắk (Có mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Võ Quốc L, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ dân phố a, thị trấn P, huyện K, Đắk Lắk (Vắng mặt)

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Kim C.

Địa chỉ: Tổ dân phố b, TT. P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017 của bà Nguyễn Thị Ánh N, tại bản tự khai ngày 07/12/2017, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn ông Võ Ngọc C trình bày:

Do mối quan hệ họ hàng với nhau nên bà Nguyễn Thị Ánh N có cho bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L, chị H) vay số tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 06/6/2017 âm lịch, tức ngày 29/6/2017 dương lịch bà N cho bà Đinh Thị Hồng L vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), mục đích vay để trả nợ ngân hàng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1.000.000đ/10 ngày/200.000.000đ.

+ Ngày 21/7/2017 âm lịch, tức ngày 11/9/2017 dương lịch bà N cho bà Đinh Thị Hồng L vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 5 ngày, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 500.000đ/5 ngày/100.000.000đ.

+ Ngày 25/8/2017 âm lịch, tức ngày 14/10/2017 dương lịch Bà Nguyễn Thị Ánh N cho bà Đinh Thị Hồng L vay số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 7 ngày, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1.500.000đ/7 ngày/400.000.000đ.

Tổng số tiền bà Đinh Thị Hồng L vay bà Nguyễn Thị Ánh N là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

Khi vay thì bà L là người viết giấy mượn tiền và bà N là người trực tiếp đưa tiền, mục đích vay tiền của bà Đinh Thị Hồng L là để trả tiền vay Ngân hàng cho gia đình.

Đến thời hạn bà L không trả như cam kết nên bà N nhiều lần đến đòi nợ nhưng đến nay bà L vẫn không thực hiện.

Nay bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L hoặc là chị H) liên đới cùng ông Võ Quốc L trả cho bà N số tiền gốc là 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*) và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 14/10/2017.

- Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L hoặc là chị H) trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị Ánh N có mối quan hệ là chị em họ với nhau ngoài ra còn có quan hệ vay mượn nhiều lần cụ thể:

+ Ngày 06/6/2017 âm lịch, tức ngày 29/6/2017 dương lịch tôi có vay của bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), hạn 10 ngày sau sẽ trả đủ, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

+ Ngày 21/7/2017 âm lịch, tức ngày 29/6/2017 dương lịch tôi có vay của bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), tuy nhiên cộng cả tiền lãi trong năm ngày nên tôi phải ghi tổng là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tôi là người viết giấy cho bà N giữ, ngoài ra trước đây tôi có mượn của bà N số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, sau đó do tôi không trả đủ tiền gốc và lãi nên đến ngày 25/8/2017 âm lịch, tức ngày 14/10/2017 dương lịch bà N yêu cầu tôi viết giấy số nợ với số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Tôi khẳng định ba chứng cứ mà bà Nguyễn Thị Ánh N dùng để khởi kiện tôi là do tôi trực tiếp viết và ký tên, tuy nhiên tôi chỉ thừa nhận còn nợ lại bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền gốc và lãi là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Mục đích vay dùng để đáo hạn ngân hàng và sử dụng trong gia đình.

Sau khi vay số tiền trên tôi đã trả cho bà N được 200.000.000đ của khoản vay ngày 06/6/2017 (âm lịch), tức ngày 29/6/2017 (dương lịch) số tiền này tôi đưa cho bà Nguyễn Thị Kim C trả dùm, khi tôi đưa số tiền trên cho bà C thì không có giấy biên nhận của bà C, cũng không có ai chứng kiến, thời gian trả cụ thể tôi không nhớ.

Nay bà Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 14/10/2017. Tôi không đồng ý vì tôi đã trả 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), chỉ còn nợ lại bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền gốc và lãi là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), giờ do hoàn cảnh khó khăn tôi xin bà N cho tôi trả dần tiền gốc, không tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Võ Quốc L đến Tòa án để tham gia tố tụng. Song ông L không có mặt tại Tòa án để làm việc, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tiến hành xác minh thì được chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Hiện nay ông Võ Quốc L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống và làm việc tại: Tổ dân phố a, thị trấn P, huyện K, Đắk Lắk. Để đảm bảo cho ông Võ Quốc L thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Nhưng ông Võ Quốc L không hợp tác để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp và phiên hòa giải là vi phạm quy

định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn đề nghị Toà án buộc bà Đinh Thị Hồng L và ông Võ Quốc L liên đới trả cho bà N số tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và lãi suất 10%/ năm của số tiền nợ gốc 200.000.000đ tính từ giấy vay cuối cùng ngày 14/10/2017; đề nghị Toà án buộc bà Đinh Thị Hồng L trả cho bà N số tiền gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và lãi suất 10%/ năm của số tiền nợ gốc 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) tính từ giấy vay cuối cùng ngày 14/10/2017.

Tại phiên toà, bị đơn bà Đinh Thị Hồng L chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền nợ gốc là 700.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi 10%/ năm của số tiền nợ gốc tính từ giấy vay cuối cùng ngày 14/10/2017. Tuy nhiên, theo bà L thì do hiện tại bà L làm ăn thất bại nên không có khả năng trả một lần xin được trả dần số tiền trên cho bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vắng mặt tại buổi làm việc lập bản tự khai cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ánh N. Buộc bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L hoặc là chị H) và ông Võ Quốc L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tiền nợ gốc và số tiền lãi suất theo mức lãi 10%/năm tương ứng với số tiền nợ gốc 200.000.000đ; buộc bà Đinh Thị Hồng L trả cho bà N số tiền gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và lãi suất 10%/năm của số tiền nợ gốc 500.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N lập ngày 30/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L hoặc là chị H) đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Tổ dân phố a, thị trấn P, huyện K, Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vắng mặt tại buổi làm việc lập bản tự khai cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tại phiên tòa ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX áp dụng quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3]. Xét về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn đề nghị Toà án buộc bà Đinh Thị Hồng L và ông Võ Quốc L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và lãi suất 10%/ năm của số tiền nợ gốc 200.000.000đ tính từ giấy vay cuối cùng ngày 14/10/2017 và buộc bà Đinh Thị Hồng L trả cho bà Nguyễn Thị Anh N số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và lãi suất 10%/ năm của số tiền nợ gốc 500.000.000đ tính từ giấy vay cuối cùng ngày 14/10/2017. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 06/6/2017 (âm lịch) tức ngày 29/6/2017 (dương lịch) bà L vay của bà N 200.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 21/7/2017 âm lịch, tức ngày 11/9/2017 dương lịch bà L vay tiếp của bà N 100.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 25/8/2017 âm lịch, tức ngày 14/10/2017 dương lịch bà L vay N số tiền 400.000.000 đồng. Bà L thừa nhận ba giấy vay nói trên bà L viết. Như vậy, việc bà L vay bà N 700.000.000đ là đúng thực tế. Các đương sự tham gia giao dịch là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ việc làm của mình và không có sự ép buộc trong quá trình thực hiện giao dịch dân sự này. Khi thực hiện hợp đồng vay tài sản, thì bên cho vay (bà Nguyễn Thị Ánh N) và bên vay (bà

Đinh Thị Hồng L) được lập thành văn bản và bà L là người trực tiếp viết và ký vào văn bản này. Bản thân bà L cũng thừa nhận chữ ký bên người mượn trong giấy vay nợ mà bà N dùng để khởi kiện bà là do bà ký và viết ra.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án bà Đinh Thị Hồng L cho rằng sau khi vay số tiền trên của bà N thì bà đã trả cho bà N được 200.000.000đ, số tiền này bà đưa cho bà Nguyễn Thị Kim C để nhờ bà C trả dùm. Theo bà L thì khi bà giao tiền cho bà C thì không có biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Kim C khẳng định *“Tôi chưa bao giờ cầm khoản tiền nào của bà L gửi trả dùm cho bà N”*. Bà Nguyễn Thị Ánh N không thừa nhận việc bà L đã trả cho mình 200.000.000 đồng, bên cạnh đó bà L cũng không có chứng cứ nào để chứng minh việc mình đã trả 200.000.000 đồng cho bà N. Tại phiên tòa hôm nay bà L khẳng định do trong quá trình giao tiền để nhờ bà C trả cho bà N thì giữa hai bên không lập biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Do vậy, bà không có chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình nên bà L chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 700.000.000đ. Nên HĐXX cần chấp nhận ý kiến này của bà Đinh Thị Hồng L. Xét thấy bà Đinh Thị Hồng L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau:

1. *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N là hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Xét về trách nhiệm trả nợ: Trong quá giải quyết vụ án bà Đinh Thị Hồng L khẳng định mục đích bà vay số tiền trên là để trả nợ cho Ngân hàng và trả các khoản nợ cho bản thân trong quá trình buôn bán, ông Võ Quốc L không biết gì về khoản nợ này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định như sau: *“Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận. Tuy nhiên, trong trường hợp vợ hoặc chồng xác lập thực hiện giao dịch liên qua đến tài sản chung để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì được coi là có sự đồng ý của bên kia”*. Căn cứ vào quy định nêu trên HĐXX xét thấy rằng: Tuy ông L không ký vào hợp đồng vay ông L không trực tiếp sử dụng khoản tiền mà bà L vay của bà N. Tuy nhiên, căn cứ

vào hợp đồng vay ngày 06/6/2017(âm lịch) tức ngày 29/6/2017 (dương lịch) với số tiền 200.000.000 đồng thể hiện mục đích vay là để trả nợ ngân hàng. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ để buộc bà Đinh Thị Hồng L và ông Võ Quốc L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền nợ gốc 200.000.000đ và khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000đ là phù hợp.

Đối với khoản vay 500.000.000đ bản thân bà L khẳng định mục đích bà vay số tiền là để trả nợ và chi tiêu cho bản thân, nên bà L tự trả số nợ trên cho bà N. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà L phải trả số tiền trên cho bà N. Xét thấy yêu cầu trên của đại diện theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn không trái pháp luật, nên HĐXX cần buộc một mình bà L trả cho bà N 500.000.000đ và khoản tiền lãi tương ứng với số tiền nợ gốc là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: HĐXX xét thấy, mặc dù trong ba hợp đồng vay không thể hiện lãi suất. Nguyên đơn thừa nhận thực tế hai bên thỏa thuận đối với số tiền 200.000.000đ, lãi suất là 1.000.000đ/10 ngày; đối với số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 500.000đ/5 ngày; đối với tiền 400.000.000 đồng, lãi suất là 1.500.000đ/7 ngày. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ đề nghị HĐXX áp dụng lãi suất 10% năm đối với số tiền vay 700.000.000 đồng tính từ giấy vay cuối cùng ngày 14/10/2017 cho đến lúc kết thúc phiên tòa sơ thẩm, như vậy là có lợi cho bị đơn nên HĐXX cần chấp nhận và tính cụ thể như sau.

Ngày vay cuối cùng là ngày 14/10/2017 đến ngày xét xử là ngày 10/5/2018 = 6 tháng 26 ngày = 206 ngày.

Tiền lãi của số tiền 200.000.000đ được tính như sau:

$$\frac{200.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 206 \text{ ngày}}{365 \text{ ngày}} = 11.288.000 \text{ đồng}$$

Cần buộc bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L, chị H) và ông Võ Quốc L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N tổng số tiền lãi của 200.000.000 đồng là 11.288.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 500.000.000 đ được tính như sau:

$$\frac{500.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 206 \text{ ngày}}{365 \text{ ngày}} = 28.219.000 \text{ đồng}$$

Cần buộc một mình bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L, chị H) trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền lãi 28.219.000 đồng.

[6]. Về án phí: Do Tòa án buộc bà L và ông Võ Quốc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N tiền gốc và lãi là: 211.288.000đ. Nên bà L và ông Võ Quốc L phải chịu 10.564.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo mức tính đồng $211.288.000đ \times 5\% = 10.564.400đ$ đồng. Chia theo phần bà L và ông L mỗi người phải chịu 5.282.200đ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại Công an thị trấn Phước An, thì ông Võ Quốc L sinh năm 1957. Tính đến ngày xét xử ông L đã trên 60 tuổi. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án, Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Quốc L.

Ngoài ra do Tòa án buộc một mình bà Đinh Thị Hồng L phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền nợ gốc là tiền lãi tổng cộng là 528.219.000đ nên bà Đinh Thị Hồng L còn phải chịu 26.410.950đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính $528.219.000đ \times 5\% = 26.410.950đ$.

Tổng cộng bà L phải chịu 31.693.150đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm (*Ba mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng*)

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 16.000.000đ (*mười sáu triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí, mà ông Võ Ngọc C nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk

[7] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án, Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Quốc L.

- **Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N.

Buộc bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L, chị H) và ông Võ Quốc L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N tổng số tiền là: 211.288.000đ (*Hai trăm mười một triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*). Trong đó tiền vay gốc là: 200.000.000 đồng và tiền lãi là 11.288.000 đồng.

Buộc bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L, chị H) phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N 528.219.000đ (*Năm trăm hai mươi tám triệu, hai trăm mười chín nghìn đồng*). Trong đó tiền vay gốc là 500.000.000đ và tiền lãi là 28.219.000đ.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Quốc L.
- Bà Đinh Thị Hồng L (tên thường gọi Đinh Thị L, chị H) phải chịu án 31.693.150 đ tiền án phí (*Ba mươi một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Ngọc C đã nộp thay cho Bà Nguyễn Thị Ánh N theo biên lai thu số AA/2017/0001452 ngày 07/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N và người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn, bị đơn bà Đinh Thị Hồng L được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Quốc L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật

thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án huyện K;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

